TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 147/2017/HSST
Ngày: 30/10/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.
Ông Hoàng Quang Lịch.

- Thư ký phiên toà: ông Hoàng Minh Anh – Thư ký Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khả Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 156/2017/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2017/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức V** - sinh năm 1991. HKTT và nơi ở: Thôn N, Xã N, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 0/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân Tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Bị cáo không phải là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Con ông: Nguyễn Đức S (đã chết) và bà: Nguyễn Thị S. Vợ là Nguyễn Thị H, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015. TATS: 02 tiền án:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 96/2010/HSST ngày 28/5/2010 của TAND huyện A đã xử phạt Nguyễn Đức V 50 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ và tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/7/2013, chấp hành xong án phí ngày 03/8/2010.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2016/HSST ngày 22/3/2016 của TAND huyện S xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/12/2016, chấp hành xong án phí ngày 12/9/2016.

Tạm giữ từ ngày 14/8/2017 đến ngày 23/8/2017. Tạm giam từ ngày 23/8/2017. Danh, chỉ bản số 370 ngày 16/8/2017 của Công an huyện A, Hà Nội. Có mặt.

- ***Người bị hại:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957, trú tại: Thôn D, Xã D, Huyện A, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/4/2017, ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1957, trú tại: thôn D, xã D, huyện A, Hà Nội) có đơn trình báo Công an huyện A về việc: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/4/2017 ông T để xe máy Dream BKS: 29F1-186.68 trong sân nhà ở D, D, huyện A, Hà Nội, đến khoảng 08 giờ khi ông đang quét dọn phòng thờ tầng 2 thì nghe thấy tiếng xe máy nổ, ông nhìn xuống sân thì phát hiện một thanh niên đang có hành vi dắt xe máy của ông ra cổng rồi đạp nổ máy và phóng ra đường Quốc lộ 23 B tẩu thoát. Hình ảnh đối tượng trộm cắp xe máy của ông được camera nhà ông ghi lại và cung cấp hình ảnh cho cơ quan điều tra để làm rõ.

Ngày 30/5/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận chiếc xe máy Dream BKS 29F1- 186.68 của ông T trị giá 21.600.000 đồng.

Ngày 14/8/2017, Nguyễn Đức V đến cơ quan điều tra Công an huyện A, thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản ngày 26/4/2017 tại thôn D, xã D, huyện A, Hà Nội.

Quá trình điều tra đã xác định được: Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 26/4/2017, Nguyễn Đức V đang ở nhà tại Thôn N, Xã N, huyện A, Hà Nội thì có đối tượng tên là T (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) gọi điện đến rủ đi trộm cắp xe máy, V đồng ý. Sau đó, đối tượng T đi xe đạp điện đến nhà Nguyễn Đức V đưa cho V 01 bộ tay công, 01 đầu vam bẹt bảo V cầm cất vào túi quần để đi trộm cắp xe máy. V và T thống nhất: T điều khiển xe máy và có nhiệm vụ cảnh giới bên ngoài, còn V trực tiếp trộm cắp tài sản. Sau đó, V lấy chìa khóa của chiếc xe máy Exciter màu xanh BKS: 29S1- 49010 của anh trai là Nguyễn Đức V1 (sinh năm 1989, trú tại: Thôn N, Xã N, huyện A, Hà Nội đang nằm ngủ), V mở cốp xe máy lấy 01 chiếc tuốc lơ vít 4 cạnh đút vào túi quần bên trái mang theo làm phương tiện trộm cắp tài sản. Nguyễn Đức V đưa chìa khóa xe máy và xe máy cho T điều khiển chở V ngồi sau. Cả hai đi lòng vòng trên địa bàn huyện A, Hà Nội nhằm tìm nhà dân sơ hở tài sản để trộm cắp. Khi T điều khiển xe máy đi qua nhà một người dân tại thôn D, xã D, huyện A, Hà Nội, cả hai nhìn thấy trong sân nhà có 01 chiếc xe máy Dream màu nâu, BKS 29F1-186.68 để dưới sân không có ai trông giữ, cánh cổng mở. T điều khiển xe máy quay lại và đứng ngoài cảnh giới, V xuống xe, đẩy cánh cổng đi vào trong sân. Khi tiến đến gần xe máy, V thấy xe máy không khóa cổ, khóa càng, ổ khóa điện của xe máy là loại 6 cạnh nên V dùng tay trái lấy chiếc tuốc lơ vít 4 cạnh đút ở túi quần bên trái mang theo, tiến hành xoáy ốc vít ở mặt đồng và đèn pha rắc cắm điện đấu nối với ổ khóa điện. Sau đó, V dắt xe máy ra ngoài cổng rồi đạp nổ máy và phóng về hướng đường Quốc lộ 23B tẩu thoát. Đối tượng T điều khiển xe máy đi phía sau. Cả hai đi theo đường Võ Nguyễn Giáp hướng về huyện S, Hà Nội. Quá trình tẩu thoát, chiếc tuốc lơ vít của V bị rơi, không xác định được địa điểm.

Khi đi đến đê D1 thuộc thôn D1, xã L, huyện S, Hà Nội thì V đổi xe cho T, T đi xe máy vừa trộm cắp được để tìm nơi tiêu thụ, còn V đi xe máy của anh trai về nhà. Quá trình trao đổi xe, V trả lại cho đối tượng T 01 đầu vam và 01 tay công. Khi về nhà, V trả xe máy cho anh V1, V không kể cho anh V1 nghe về việc sử dụng xe của anh V1 để đi trộm cắp tài sản.

Đến khoảng cuối tháng 4/2017 thông qua quan hệ xã hội cũng như hình ảnh camera của nhà ghi được, ông T được biết người trộm cắp chiếc xe máy

Dream màu nâu, BKS 29F1- 186.68 của ông tên là V sinh năm 1991, trú tại: Thôn N, Xã N, huyện A, Hà Nội nên ông T đến tìm V tại thôn N, xã N. Khi đi đến nhà V, ông T không gặp được V mà gặp mẹ V là bà Nguyễn Thị S. Bà Sáu gọi điện cho V nói chuyện là có người cần tìm và hỏi về việc V trộm cắp tài sản. Sau đó, V nói chuyện qua điện thoại với ông T và thừa nhận mình là người trộm cắp chiếc xe máy của ông T vào ngày 26/4/2017 tại thôn D, xã D, huyện A. V hứa một vài ngày tới sẽ mang chiếc xe máy trả cho ông T. Ông T đồng ý.

Sau khi bị ông T phát hiện. Nguyễn Đức V sợ ông T trình báo công an nên đã gọi điện cho đối tượng tên T thông báo việc trộm cắp chiếc xe máy đã bị phát hiện, vì vậy T không được bán chiếc xe máy trộm cắp trên, đối tượng T đồng ý.

Khoảng 16 giờ ngày 04/5/2017, V đi đến đình làng thôn D1, xã L, huyện S, Hà Nội gặp đối tượng T. Tại đây, T đưa chiếc xe máy trộm cắp được cho V, chiếc xe máy không có biển số xe do đối tượng T tháo ra để đâu không rõ. Sau đó, V đi xe máy trộm cắp đến nhà ông T để trả lại cho ông T. Đối với chiếc biển kiểm soát của xe máy V hẹn khoảng hai đến ba ngày sau sẽ trả, ông T đồng ý.

Đến khoảng 08 giờ ngày 08/5/2017, đối tượng T gọi điện thoại cho V bảo V lên lấy biển số xe máy tại ngã tư Xuân Kỳ, thuộc xã L, huyện S, Hà Nội. Sau khi nhận được biển số xe máy của ông T, V nhờ một người bạn xã hội tên là P (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, chỉ biết ở S) mang đến trả cho ông T. Khi nhờ P trả biển số xe máy, V không nói cho P biết về việc mình trộm cắp tài sản.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng sau:

- Thu giữ của Nguyễn Đức V: 01 chiếc điện thoại OPPO F1s màu vàng đồng, số Emel1: 863897037271058, số Imeil2: 86389703727, lắp sim số thuê bao: 0969929786 và sim số thuê bao: 0972429407.

- Thu giữ của ông Nguyễn Văn T: 01 USB 8G màu đỏ lưu trữ hình ảnh liên quan đến vụ án và 02 ảnh màu kích cỡ 9x12 cm.

Cơ quan điều tra đã dẫn giải Nguyễn Đức V đến hiện trường xác định nơi trộm cắp tài sản và thực nghiệm điều tra lại hành vi trộm cắp tài sản ngày 26/4/2017 tại thôn D, xã D, huyện A, Hà Nội. Kết quả dẫn giải và thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của V và tài liệu cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với đối tượng tên T: Nguyễn Đức V khai không biết rõ nhân thân cụ thể, chỉ biết là ở thôn D1, xã L, huyệnS, chiếc điện thoại và số thuê bao của V dùng để liên lạc với T hiện nay đã bị cháy hỏng, V đã vứt đi. Bản thân V không nhớ số điện thoại của T. Cơ quan điều tra công an huyện A đã tiến hành xác minh tại công an xã L, huyện S, Hà Nội xác định không có đối tượng nào tên là T theo như lời khai của V, do đó không có căn cứ để chứng minh làm rõ.

Đối với người tên là P (là người bạn ngoài xã hội) có hành vi trả giúp V cho ông T chiếc BKS xe máy: khi nhận giúp V, P không biết đó là đồ vật do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với 01 chiếc điện thoại OPPO F1s màu vàng đồng, số Emel1: 863897037271058, số Imeil2: 86389703727, lắp sim số thuê bao: 0969929786 và sim số thuê bao: 0972429407 là tài sản của V cần tiếp tục tạm giữ chuyển Tòa án nhân dân huyện A giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với 01 USB và 02 ảnh màu lưu hình ảnh Nguyễn Đức V trộm cắp tài sản là vật chứng của vụ án, chuyển theo hồ sơ.

Đối với chiếc xe máy Honda Dream BKS 29F1-186.68, giấy đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985, HKTT: Số 48, tổ 25A ngõ 185 phố K, quận T, Hà Nội là do anh H mua mới và đăng ký chính chủ. Đến khoảng tháng 11/2016 do không có nhu cầu sử dụng nên anh H bán lại cho ông T với giá 38.000.000 đồng (không có giấy tờ mua bán). Chiếc xe máy nêu trên là tài sản hợp pháp của ông T, ông T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Đối với chiếc xe máy Exciter BKS: 29S1- 490.10: theo tra cứu thông tin nguồn phương tiện xác định là tài sản cá nhân của anh V1. Ngày 26/4/2017 anh V1 không biết V lấy xe máy của mình đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi trả xe cho anh V1, Nguyễn Đức V cũng không kể lại việc V đi trộm cắp tài sản. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh V1. Đến khoảng tháng 6/2017 anh V1 đã bán chiếc xe máy Exciter BKS: 29S1- 490.10 cho một người không quen biết ở huyện P, tỉnh N với giá 40.000.000 đồng. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe nêu trên.

Tại cáo trạng số 151/VKS-HS ngày 04 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Đức V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt: Nguyễn Đức V với mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về phần dân sự: các bên đã giải quyết xong.

Về vật chứng: Trả lại Nguyễn Đức V chiếc điện thoại di động OPPO thu của bị cáo. Trả lại ông T 01 USB thu của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó xác định được: khoảng 08 giờ ngày 26 tháng 4 năm 2017, tại nhà ông Nguyễn Văn T ở thôn D, xã D, huyện A, Hà Nội, lợi dụng sự sơ hở của ông T để xe máy ở sân không khóa cổ, không khóa càng, Nguyễn Đức V có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe máy Honda Dream BKS 29F1- 186.68 trị giá 21.600.000 đồng của ông Nguyễn Văn T.

Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 96 ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đông đã xử phạt bị cáo 50 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ và tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 28/7/2013. Đến ngày 18/12/2015 bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá hơn 35.000.000 đồng và bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 12 tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 41 ngày 22/3/2016 và tại bản án này đã áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc Hội hướng dẫn về thi hành Bộ luật Hình sự số

100/2017/QH13 ngày 20/6/2017 thì bản án số 96 ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện A đối với Nguyễn Đức V đã được xóa (Điều 70 BLHS năm 2015 thì thời hạn xóa án đối với bản án số 96 ngày 28/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện A là 02 năm mà không phải là 03 năm như Điều 64 BLHS năm 1999). Đối với bản án số 41 ngày 22/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện S thì bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 18/12/2016, do đó chưa được xóa án. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, đây là tình tiết tặng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS mà không phải là tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận Nguyễn Đức V phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, điều khoản này quy định hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì chẳng những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn huyện A. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do tham lam tư lợi và coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Chính vì vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dụng riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình Toà án xét: bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục hậu quả mang trả lại tài sản cho người bị hại, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Tại phiên tòa người bị hại có lời khai đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[2] Về phần bồi thường dân sự: Ông Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không còn yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không phải đặt ra để giải quyết.

[3] Về vật chứng vụ án: đối với chiếc điện thoại di dộng thu của bị cáo thì trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai không sử dụng vào việc liên lạc với T và Phương nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 USB thu của ông T: Tại phiên tòa ông T đề nghị được nhận lại chiếc USB nên trả lại cho ông T.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật sung công quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo *Nguyễn Đức V* phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt: *Nguyễn Đức V 15 (Mười lăm) tháng* tù. Thời hạn tù tính ngày 14 tháng 8 năm 2017.

- Áp dụng các Điều 76; 99, 231, 234 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

+ Trả lại Nguyễn Đức V 01 chiếc điện thoại OPPO F1s, màu vàng đồng, số IMEI 1: 863897037271058, số IMEI 2: 86389703727, lắp sim thuê bao số:

0969929786 và sim thuê bao số: 0972429407 (Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/10/2017 giữa Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

+ Trả lại ông Nguyễn Văn T 01 USB 8G màu đỏ- đen (Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/10/2017 giữa Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

+ Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Vân

<u>Nơi nhận:</u>
- *VKSND huyện A.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Công an huyện A.*
- *Lưu hồ sơ.*